

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP TẠI VIỆT NAM

● LÝ HỮU TRẦN^{1*} - NGUYỄN PHẠM THANH PHONG¹ - TRẦN NHƯ QUỲNH¹

¹ Sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

* Email: 22125120@student.hcmute.edu.vn

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng chất lượng báo cáo tài chính tại các trường công lập ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, bao gồm phỏng vấn chuyên gia và khảo sát 110 nhân viên kế toán tại các trường công lập. Dữ liệu được phân tích bằng các kỹ thuật kiểm định độ tin cậy, phân tích nhân tố khám phá, tương quan và hồi quy. Kết quả cho kiểm soát nội bộ là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng báo cáo tài chính, tiếp theo là năng lực nhân viên. Ngược lại, ứng dụng công nghệ thông tin không có tác động. Những phát hiện này cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các trường công lập nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính trong tương lai.

Từ khóa: kiểm soát nội bộ, năng lực nhân viên, công nghệ thông tin, chất lượng báo cáo tài chính, các trường công lập ở Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, báo cáo tài chính được xem là công cụ quan trọng giúp các trường công lập phản ánh trung thực, minh bạch, tình hình tài chính, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực được Nhà nước giao. Tuy vậy, chất lượng báo cáo tài chính tại nhiều trường công lập ở Việt Nam vẫn còn hạn chế do chịu ảnh hưởng của các nhân tố như hệ thống kiểm soát nội bộ, năng lực chuyên môn của nhân viên kế toán, cũng như mức độ ứng dụng

công nghệ thông tin trong công tác kế toán. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đây chỉ nghiên cứu về doanh nghiệp hoặc chỉ nghiên cứu về một khu vực cụ thể còn đề tài này được thực hiện nhằm làm “kim chỉ nam” cho các trường công lập tại Việt Nam với việc vừa đo lường mức độ tác động của các nhân tố, vừa phân tích mối quan hệ giữa chúng. Bài viết tập trung vào 3 nội dung chính: Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính; Xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu

với ba nhân tố chính gồm kiểm soát nội bộ, năng lực nhân viên và công nghệ thông tin; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính tại các trường công lập ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp cơ sở thực tiễn cho các cơ quan quản lý và nhà trường trong việc hoàn thiện công tác kế toán, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả quản lý tài chính trong lĩnh vực giáo dục công lập.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo Lý thuyết thông tin hữu ích, mục tiêu của báo cáo tài chính là cung cấp thông tin phục vụ quyết định kinh tế, đồng thời cân nhắc giữa lợi ích và chi phí trong xây dựng chuẩn mực kế toán của Godfrey và cộng sự (2003). Trong khu vực công Việt Nam, do còn bất cân xứng thông tin giữa cơ quan nhà nước và người sử dụng, các đơn vị cần công bố thêm thông tin ngoài quy định bắt buộc để đáp ứng nhu cầu này.

CLBCTC phản ánh mức độ hữu ích, trung thực và tin cậy của thông tin cung cấp cho người sử dụng. Theo Meigs (2006), BCTC là công cụ thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động, giúp đánh giá việc quản lý và sử dụng nguồn lực. Trong khu vực công, đặc biệt tại các trường công lập, BCTC thể hiện tính minh bạch, hiệu quả sử dụng ngân sách và trách nhiệm giải trình. Tambingon và cộng sự (2018) nhấn mạnh, mục tiêu của BCTC là cung cấp thông tin hữu ích cho quyết định của các bên liên quan, trong khi Belkaoui (2004) và Jonas & Blanchet (2000) cho rằng CLBCTC thể hiện ở tính trung thực, đáng tin cậy, kịp thời và có thể so sánh. Do đó, việc đảm bảo CLBCTC giúp nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và củng cố niềm tin của các bên liên quan.

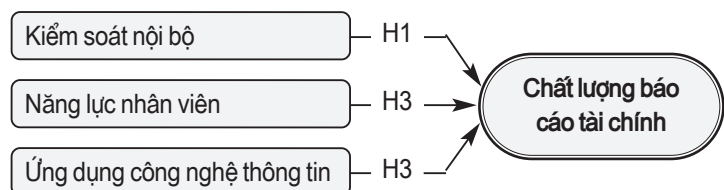
Theo Nguyễn Thị Phương Hồng (2016) và Tambingon et al. (2018), chất lượng đội ngũ kế toán có ảnh hưởng tích cực đến CLBCTC. Chen & Xie (2014) và Setiyawati và cộng sự (2020) cũng khẳng định nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cao giúp hạn chế gian lận, nâng cao tính

trung thực và độ tin cậy của BCTC. Do đó, năng lực của nhân viên kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao CLBCTC.

Căn cứ vào điều 4, khoản 1 của Luật Công nghệ thông tin, công nghệ thông tin được định nghĩa rằng “Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số”.

Trên cơ sở nghiên cứu một số lý thuyết và lược khảo nghiên cứu trong và ngoài nước như Trần Quỳnh Hương & Ngô Thị Hồng Diên (2021), Dương Thị Thùy Liên (2022), Nur Fitri Dewia và cộng sự (2019), Trần Quốc Hùng & Dương Nguyễn Uyên Minh (2023) và Nguyễn Bích Liên (2012). Nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 3 nhân tố: Kiểm soát nội bộ (KSNB), Năng lực nhân viên (NLNV) và Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT). Trong đó, 3 nhân tố KSNB, NLNV và CNTT được giả định có ảnh hưởng cùng chiều đến Chất lượng báo cáo tài chính (Hình 1).

Hình: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

H1: Kiểm soát nội bộ tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính

H2: Năng lực nhân viên tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính

H3: Ứng dụng công nghệ thông tin tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu triển khai phương pháp theo hai giai đoạn gồm giai đoạn xây dựng và phỏng vấn chuyên gia. Ở giai đoạn xây dựng, nhóm rà soát 12 công trình nghiên cứu trong và ngoài nước để hình thành mô hình nghiên cứu và hệ thống thang đo ban đầu thông qua phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu. Tiếp đó, nhóm phỏng vấn

01 giảng viên có kinh nghiệm tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh và 01 nhân viên kế toán tại trường công lập nhằm hiệu chỉnh và tinh chỉnh thang đo và hoàn thiện mô hình. Trên cơ sở đó, nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện thông qua Google Form và gửi đến các kế toán viên làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thông qua hình thức chia sẻ trực tuyến và lan tỏa trong mạng lưới nghề nghiệp. Mẫu nghiên cứu được xác định theo hướng dẫn của Hair và cộng sự (2006) với 20 biến quan sát cần tối thiểu 100 - 200 mẫu. Nhóm đã gửi đi 113 phiếu khảo sát và thu về 110 phiếu hợp lệ (97%), đủ điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố.

4. Kết quả

4.1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Qua kết quả kiểm định Cronbach's Alpha từ Bảng 1 cho thấy các nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc đều có hệ số Cronbach's Alpha đều có giá trị lớn hơn 0,6 và các hệ số giao động từ 0,942 đến 0,966. Ngoài ra, hệ số tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Do đó, các nhân tố đều thỏa yêu cầu của kiểm định và được đưa vào kiểm định EFA.

4.2. Kiểm định EFA

Qua số liệu từ (Bảng 2) cho thấy, các điều kiện cần để thực hiện EFA của các nhân tố độc lập đã phù hợp với hệ số KMO các biến độc lập = 0,873 ($0,5 < KMO < 1$), kiểm định Bartlett sig. = 0,000 ($< 0,005$) cho thấy dữ liệu phù hợp và cho phép tiến hành EFA. Ngoài

Bảng 1. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Nhân tố	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu bị loại biến
Kiểm soát nội bộ (KSNB)	Cronbach's Alpha = 0,966		
	KSNB1	0,926	0,954
	KSNB2	0,906	0,957
	KSNB3	0,920	0,955
	KSNB4	0,934	0,952
	KSNB5	0,829	0,969
Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	Cronbach's Alpha = 0,942		
	CNTT1	0,866	0,922
	CNTT2	0,879	0,918
	CNTT3	0,867	0,922
	CNTT4	0,833	0,932
Năng lực nhân viên (NLNV)	Cronbach's Alpha = 0,958		
	NLNV1	0,873	0,950
	NLNV2	0,890	0,948
	NLNV3	0,895	0,947
	NLNV4	0,887	0,948
	NLNV5	0,871	0,951
Chất lượng báo cáo tài chính (CLBCTC)	Cronbach's Alpha = 0,954		
	BCTC1	0,906	0,940
	BCTC2	0,819	0,950
	BCTC3	0,850	0,947
	BCTC4	0,820	0,950
	BCTC5	0,833	0,948
	BCTC6	0,919	0,939

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

ra, giá trị Eigenvalues các biến độc lập đạt 3,065 (Eigenvalues > 1) phân tích nhân tố đã trích được 3 nhân tố với tổng phương sai trích là 86,996% (> 50%), đạt yêu cầu.

Đối với nhân tố phụ thuộc cũng đạt được mức độ tương tự khi hệ số KMO = 4,892, kiểm định Bartlett sig. = 0,000 (< 0,005) giá trị Eigenvalues của biến phụ thuộc = 3,417 lớn hơn 1, phân tích nhân tố đã trích được 1 nhân tố (biến phụ thuộc) với tổng phương sai trích là 81,531% (> 50%), đạt yêu cầu đưa ra.

Thông qua kết quả đưa ra từ kiểm định EFA mà nhóm tác giả thực hiện, các biến quan sát của các nhân tố độc lập đều có hệ số tải Factor Loading > 0,55 giá trị giao động từ 0,890 đến 0,954 và chênh lệch hệ số tải giữa các biến đều > 0,3. Do đó, tất cả các biến quan sát sẽ được nhóm tác giả đưa vào kiểm định chi tiết.

Tương tự với kết quả của biến phụ thuộc khi các biến quan sát đều đạt giá trị Factor Loading > 0,55 giá trị dao động từ 0,874 đến 0,947 và chênh lệch hệ số tải giữa các biến đều > 0,3. Các biến quan sát của biến phụ thuộc cũng sẽ được đưa vào kiểm định sâu. (Bảng 2)

Bảng 2. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO		0,873
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	1713,539
	Bậc tự do	91
	Sig. (mức ý nghĩa)	0,000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

4.3. Phân tích tương quan

Kết quả phân tích sự tương quan của 3 biến độc lập “KSNB”, “NLNV”, “CNTT” với biến phụ thuộc “CLBCTC” thì có 2 biến độc lập có Sig < 0,05 và hệ số tương quan đều lớn hơn 0, nhỏ hơn 1, có nghĩa với mức ý nghĩa 5% thì 2 biến độc lập “KSNB”, “NLNV” có tương quan thuận với biến phụ thuộc “CLBCTC”. Hệ số tương quan giữa biến “NLNV” là lớn nhất với 0,649 tiếp đến là

biến KSNB với 0,518. Sự tương quan giữa biến độc lập CNTT với biến phụ thuộc CLBCTC không có ý nghĩa.

4.4. Phân tích hồi quy

Thông qua kết quả từ hệ VIF, cho thấy hệ số phóng đại phương sai của các nhân tố độc lập đều có VIF < 2. Điều này cho thấy các nhân tố độc lập không có mối quan hệ chặt với nhau nên sẽ không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, giá trị $R^2 = 0.755$ và R^2 hiệu chỉnh = 0.749 nghĩa là các nhân tố độc lập giải thích được 74,9% biến thiên của nhân tố phụ thuộc. Ngoài ra, hệ số Durbin - Watson bằng 1,737 thỏa ($1 > 1,737 > 3$), chứng tỏ các sai số giữa giá trị thực tế và giá trị dự báo lên kết chặt chẽ và không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Phân tích hồi quy cho thấy, giá trị Sig. của 2 biến: KSNB và NLNV < 0.05 cho thấy 2 biến độc lập này có sự tác động đến biến phụ thuộc CLBCTC và cả hai nhân tố độc lập này điều tác động dương với hệ số Beta lần lượt là 0,579 và 0,7. Qua đó có thể thấy được biến độc lập NLNV tác động mạnh hơn biến KSNB. Đối với biến độc lập CNTT lại có hệ số Sig. > 0.05, do đó biến độc lập này không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy; hay nói cách khác, biến này không có sự tác động lên biến phụ thuộc CLBCTC. Qua đó, chấp nhận giả thuyết H1 và H2, không chấp nhận giả thuyết H3. (Bảng 3)

Phương trình hồi quy đã chuẩn hóa là:
 $QD = 0,513 * KSNB + 0,629 * NLNV$

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong 3 nhân tố được xem xét, kiểm soát nội bộ và năng lực nhân viên kế toán có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến CLBCTC tại các trường công lập ở Việt Nam, trong khi ứng dụng công nghệ thông tin chưa cho thấy tác động đáng kể. Trong đó, kiểm soát nội bộ là nhân tố tác động mạnh nhất, khẳng định vai trò then chốt của hệ thống kiểm soát trong việc đảm bảo tính trung thực, minh

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Thành phần	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	VIF
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			
Hằng số	-0,399	0,222		-1,799	0,075	
CNTT	0,513	0,043	0,579	11,868	0,000	1,031
KSNB	0,629	0,044	0,700	14,464	0,000	1,015
NLNV	0,008	0,044	0,008	0,172	0,864	1,028

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

bạch và hợp lý của thông tin tài chính. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Tambingon và cộng sự (2018), cùng Dao và cộng sự (2024), cho thấy khi cơ chế kiểm soát được thiết lập hiệu quả, sai sót và gian lận trong báo cáo tài chính được giảm thiểu. Năng lực nhân viên kế toán cũng tác động tích cực đến CLBCTC, tương đồng với các nghiên cứu của Hồng (2016) và Setiyawati và cộng sự (2020), khi nhân viên có trình độ chuyên môn vững và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp đảm bảo độ tin cậy của thông tin kế toán, nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố con người trong nâng cao CLBCTC khu vực công. Ngược lại, ứng dụng công nghệ thông tin chưa thể hiện vai trò đáng kể, trái với kết quả của Liên (2022) và Dewi và cộng sự (2019), có thể do mức độ ứng dụng công nghệ tại các trường công lập còn hạn chế, chủ yếu dừng ở khâu nhập liệu, chưa tích hợp đồng bộ hệ thống quản lý tài chính. Điều này phản ánh đặc thù của lĩnh vực giáo dục công tại Việt Nam, nơi chuyển đổi số trong kế toán công vẫn ở giai đoạn đầu. Nhìn chung, nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến CLBCTC trong bối cảnh các trường công lập Việt Nam, đồng thời gợi ý rằng để nâng cao CLBCTC, các trường cần ưu tiên củng cố kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực đội ngũ kế toán và đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hiệu quả cho quản lý tài chính công trong dài hạn.

6. Kết luận

Nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính tại các trường công lập ở Việt Nam” nhằm xác định và đo lường tác động của 3 nhân tố gồm: kiểm soát nội bộ, năng lực nhân viên và ứng dụng công nghệ thông tin đến chất lượng báo cáo tài chính. Kết quả cho thấy, kiểm soát nội bộ và năng lực nhân viên có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa, trong đó kiểm soát nội bộ là nhân tố tác động mạnh nhất, phản ánh vai trò then chốt của hệ thống giám sát và kiểm soát rủi ro trong việc đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của BCTC. Năng lực nhân viên cũng góp phần nâng cao CLBCTC thông qua trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, giúp giảm sai sót và tăng độ tin cậy của thông tin kế toán. Ngược lại, ứng dụng công nghệ thông tin chưa thể hiện tác động đáng kể, do còn hạn chế trong việc hỗ trợ công tác kế toán công. Kết quả nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lĩnh vực kế toán công ở Việt Nam, đồng thời là cơ sở tham khảo cho các cơ quan quản lý và các trường trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực kế toán và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế về quy mô mẫu và phạm vi khảo sát, do đó, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi và xem xét thêm các yếu tố như đạo đức nghề nghiệp, cơ chế tự chủ tài chính hoặc văn hóa tổ chức để có cái nhìn toàn diện hơn về CLBCTC trong khu vực công ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:***Tài liệu tiếng Việt:***

Nguyễn Ngọc Giàu, Lê Thị Diễm & Nguyễn Thị Diệu Hiền (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính tại đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. *Tạp chí Khoa học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng*, (8)02, 62-74.

Trần Quốc Hùng & Dương Nguyễn Uyên Minh (2023). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Kinh tế & Quản trị Kinh doanh*, 27, 51-60.

Trần Quỳnh Hương & Ngô Thị Hồng Diên (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 283(2), 56-65.

Dương Thị Thùy Liên (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán của các công ty niêm yết tại Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 24(11), 386-391.

Nguyễn Bích Liên (2012). Xác định và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại các doanh nghiệp Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Phương Hồng (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC của công ty niêm yết trên TTCK - Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006). Luật số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006: Luật Công nghệ thông tin.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

Belkaoui, A. (2004). *Accounting Theory*. Jakarta: Salemba Empat.

Chen, F., & Xie, H. (2014). Accounting staff capacity and financial statement fraud. *Journal of Business Ethics*, 123(1), 65-76.

Dao, V. T. T., Van, T. H., & Ha, V. T. T. (2024). The influence of factors in the internal control system on financial reporting quality at administrative and public service units in Vietnam. *Journal of Finance - Marketing Research*, 15(5), 74-87. Available at <https://doi.org/10.52932/jfm.v15i5.571>.

Dewi, N. F., Azam, S. M. F., & Yusoff, S. K. M. (2019). Factors influencing the information quality of local government financial statements and financial accountability. *Management Science Letters*, 9(9), 1373-1384. Available at <https://doi.org/10.5267/j.msl.2019.5.018>.

Godfrey, J., Hodgson, A., Tarca, A., Hamilton, J., & Holmes, S. (2003). *Accounting theory* (5th ed.). Milton, Queensland: John Wiley & Sons Australia, Ltd.

Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2006). *Multivariate data analysis* (6th ed.). Upper Saddle River, NJ: Pearson Prentice Hall.

Jonas, G. & Blanchet, J. (2000), Assessing quality of financial reporting. *Accounting Horizons*, 14(3), 353-363.

Meigs, W.B. (2006). *Financial Accounting*. USA: McGraw-Hill.

Setiyawati, H., Hidayah, N., Rahmatika, D.N. & Indriasih, D. (2020). The Factors That Affect The Quality of Financial Reporting. *International Journal of Economics and Management Studies*, 7(1), 33-39.

Tambingon, H.N., Yadiati, W. & Kewo, C.L. (2018). Determinant Factors Influencing the Quality of Financial Reporting Local Government in Indonesia. *International Journal of Economics and Financial Issues*, 8(2), 262-268.

Ngày nhận bài: 12/8/2025

Ngày phản biện và sửa chữa: 27/8/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/9/2025

FACTORS INFLUENCING THE QUALITY OF FINANCIAL REPORTING AT PUBLIC UNIVERSITIES IN VIETNAM

● LY HUU TRAN¹

● NGUYEN PHAM THANH PHONG¹

● TRAN NHU QUYNH¹

¹Student, Ho Chi Minh City University
of Technology and Education

ABSTRACT:

This study examines the factors influencing the quality of financial reporting at public universities in Vietnam. Using a mixed-method approach, the research combines expert interviews with a survey of 110 accounting personnel. Data were analyzed through reliability testing, exploratory factor analysis, correlation analysis, and multiple regression. The findings reveal that internal control systems exert the strongest positive impact on financial reporting quality, followed by the competence of accounting staff. In contrast, the application of information technology shows no statistically significant effect. The study provides empirical evidence that can support public universities in improving financial reporting practices and strengthening accountability in the future.

Keywords: internal control, employee competence, information technology, financial reporting quality, public universities in Vietnam.